

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Chương trình đào tạo, bồi dưỡng: Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản

Hội đồng thi/kiểm tra (nếu có): 16/02/2022

Quyết định công nhận tốt nghiệp số 314/QĐ - ĐHQB ngày 23 tháng 02 năm 2022

Số TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số hiệu chứng chỉ (CC)	Số vào sổ gốc cấp CC
				Thực hành	TN		
1	Phan Thị Thanh An	22/07/2002	Đồng Nai	9.0	10	DQB30CNTT001877	DQB202230CNTT25
2	Phan Ngọc Ánh	16/07/2003	Quảng Bình	9.0	5.4	DQB30CNTT001878	DQB202230CNTT26
3	Phan Thị Cẩm Chi	26/07/2003	Quảng Bình	9.5	9.2	DQB30CNTT001879	DQB202230CNTT27
4	Phan Thị Phương Chinh	28/11/2003	Quảng Bình	9.0	7.5	DQB30CNTT001880	DQB202230CNTT28
5	Nguyễn Ngọc Hà	23/10/2003	Quảng Bình	9.0	5.4	DQB30CNTT001881	DQB202230CNTT29
6	Nguyễn Thị Thu Hà	03/06/2002	Quảng Bình	9.5	8.8	DQB30CNTT001882	DQB202230CNTT30
7	Lê Thị Diệu Hằng	02/07/2003	Quảng Bình	9.0	7.5	DQB30CNTT001883	DQB202230CNTT31
8	Lê Hồng Hạnh	14/02/2002	Quảng Bình	9.5	10	DQB30CNTT001884	DQB202230CNTT32
9	Võ Thị Thúy Hiền	24/03/2003	Quảng Bình	9.5	8.8	DQB30CNTT001885	DQB202230CNTT33
10	Đỗ Minh Hiếu	16/09/1996	Quảng Bình	9.0	10	DQB30CNTT001886	DQB202230CNTT34
11	Hoàng Thị Hoa	20/03/2001	Quảng Bình	9.0	10	DQB30CNTT001887	DQB202230CNTT35
12	Trương Lê Thùy Linh	22/04/2003	Quảng Bình	9.0	5.4	DQB30CNTT001888	DQB202230CNTT36
13	Đinh Thúy Ngân	10/04/2003	Quảng Bình	9.5	6.3	DQB30CNTT001889	DQB202230CNTT37
14	Nguyễn Hồng Ngọc	11/08/2002	Quảng Bình	9.0	8.3	DQB30CNTT001890	DQB202230CNTT38
15	Trần Nữ Yến Nhi	10/07/2003	Quảng Bình	9.0	7.1	DQB30CNTT001891	DQB202230CNTT39
16	Đặng Thị Phương Nhung	29/11/2003	Quảng Bình	9.5	7.9	DQB30CNTT001892	DQB202230CNTT40
17	Hoàng Quốc Tam	22/12/2001	Quảng Bình	9.5	7.9	DQB30CNTT001893	DQB202230CNTT41
18	Trần Nguyễn Đức Thiện	17/01/2003	Quảng Bình	9.5	10	DQB30CNTT001894	DQB202230CNTT42

19	Lê Chí	Thịnh	05/01/1991	Quảng Bình	8.0	9.2	DQB30CNTT001895	DQB202230CNTT43
20	Trần Thị	Thu	20/02/2002	Quảng Bình	9.5	8.8	DQB30CNTT001896	DQB202230CNTT44
21	Trần Anh	Thư	02/02/2001	Quảng Bình	9.5	10	DQB30CNTT001897	DQB202230CNTT45
22	Hoàng Thị Hoài	Thương	23/11/2001	Quảng Bình	9.0	7.1	DQB30CNTT001898	DQB202230CNTT46
23	Đinh Thị Hương	Trà	16/04/2003	Quảng Bình	9.0	7.5	DQB30CNTT001899	DQB202230CNTT47
24	Nguyễn Kiều	Trang	19/02/2001	Quảng Bình	9.5	7.5	DQB30CNTT001900	DQB202230CNTT48
25	Hoàng Phương	Châu	23/10/2003	Quảng Bình	9.0	7.5	DQB30CNTT001901	DQB202230CNTT49
26	Nguyễn Thị	Hà	31/05/2003	Quảng Bình	9.0	7.1	DQB30CNTT001902	DQB202230CNTT50
27	Lê Thị	Hạt	22/09/2003	Quảng Bình	9.0	5.0	DQB30CNTT001903	DQB202230CNTT51
28	Trần Ngọc Tú	Huệ	27/08/2003	Quảng Bình	9.0	7.5	DQB30CNTT001904	DQB202230CNTT52
29	Trần Phạm Khánh	Huyền	20/02/2003	Quảng Bình	9.0	7.5	DQB30CNTT001905	DQB202230CNTT53
30	Trần Huỳnh Nhật	Linh	15/09/2003	Quảng Bình	9.5	8.8	DQB30CNTT001906	DQB202230CNTT54
31	Đinh Khánh	Linh	21/04/2003	Quảng Bình	9.0	6.7	DQB30CNTT001907	DQB202230CNTT55
32	Bùi Thị Phương	Loan	19/10/2003	Quảng Bình	9.5	6.7	DQB30CNTT001908	DQB202230CNTT56
33	Phoumavongxay	Soukmixay	10/10/2000	Champasak, Lào	9.0	8.3	DQB30CNTT001909	DQB202230CNTT57
34	Đặng Nguyễn Bảo	Ngọc	28/03/2003	Quảng Bình	9.0	7.5	DQB30CNTT001910	DQB202230CNTT58
35	Trần Thị Minh	Nguyệt	05/04/2003	Quảng Bình	9.0	9.6	DQB30CNTT001911	DQB202230CNTT59
36	Lienbanxa	Phetsamav	20/03/2002	Champasak, Lào	9.5	7.5	DQB30CNTT001912	DQB202230CNTT60
37	Nguyễn Thị	Phương	18/02/2003	Quảng Bình	9.5	7.9	DQB30CNTT001913	DQB202230CNTT61
38	Trần Thảo	Sương	07/04/2003	Quảng Bình	9.0	8.8	DQB30CNTT001914	DQB202230CNTT62
39	Hồ Đậu Xuân	Thị	26/10/2000	Quảng Bình	9.0	7.9	DQB30CNTT001915	DQB202230CNTT63
40	Lê Thị Thùy	Trang	07/03/2003	Quảng Bình	8.5	5.4	DQB30CNTT001916	DQB202230CNTT64
41	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	29/05/1999	Quảng Bình	9.5	9.6	DQB30CNTT001917	DQB202230CNTT65
42	Trần Thị Ngọc	Ánh	16/01/2000	Quảng Bình	9.0	8.8	DQB30CNTT001918	DQB202230CNTT66
43	Hoàng Thu	Hà	18/10/2003	Quảng Bình	9.0	6.7	DQB30CNTT001919	DQB202230CNTT67

44	Phan Thái Hà	23/11/2000	Quảng Bình	9.0	7.9	DQB30CNTT001920	DQB202230CNTT68
45	Hoàng Thị Thúy Hiền	26/09/2003	Quảng Bình	9.0	9.2	DQB30CNTT001921	DQB202230CNTT69
46	Hoàng Văn Hữu	08/08/2000	Quảng Bình	9.0	8.3	DQB30CNTT001922	DQB202230CNTT70
47	Hồ Văn Hữu	16/09/2000	Quảng Bình	9.0	5.0	DQB30CNTT001923	DQB202230CNTT71
48	Lê Thị Thanh Huyền	06/10/2003	Quảng Bình	8.5	7.9	DQB30CNTT001924	DQB202230CNTT72
49	Nguyễn Thúy Kiều	20/11/2000	Quảng Bình	9.0	7.1	DQB30CNTT001925	DQB202230CNTT73
50	Hoàng Thị Diêu Linh	14/01/2000	Quảng Bình	9.0	8.3	DQB30CNTT001926	DQB202230CNTT74
51	Nguyễn Hoài Linh	10/08/2003	Quảng Bình	8.5	5.0	DQB30CNTT001927	DQB202230CNTT75
52	Đinh Nhật Linh	30/07/2001	Quảng Bình	9.0	8.3	DQB30CNTT001928	DQB202230CNTT76
53	Trần Nữ Ly Na	06/08/2000	Quảng Bình	9.0	6.7	DQB30CNTT001929	DQB202230CNTT77
54	Nguyễn Thị Hải Như	04/11/2003	Quảng Bình	9.0	5.4	DQB30CNTT001930	DQB202230CNTT78
55	Khounvongsa Nilatda	17/04/2002	hammouane, Lào	9.5	6.7	DQB30CNTT001931	DQB202230CNTT79
56	Phan Thị Minh Phương	12/02/2001	Quảng Bình	9.0	8.3	DQB30CNTT001932	DQB202230CNTT80
57	Từ Diêu Quỳnh	09/07/2003	Quảng Bình	9.0	7.5	DQB30CNTT001933	DQB202230CNTT81
58	Nguyễn Thị Hồng Thắm	23/09/2001	Quảng Bình	9.0	5.4	DQB30CNTT001934	DQB202230CNTT82
59	Trần Phương Thảo	12/11/2003	Quảng Bình	9.0	9.2	DQB30CNTT001938	DQB202230CNTT83
60	Lê Thị Trang	26/01/2000	Quảng Bình	9.5	5.0	DQB30CNTT001936	DQB202230CNTT84
61	Nguyễn Thanh Tú	10/06/2000	Quảng Bình	9.0	8.3	DQB30CNTT001937	DQB202230CNTT85

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Thị Lan Anh